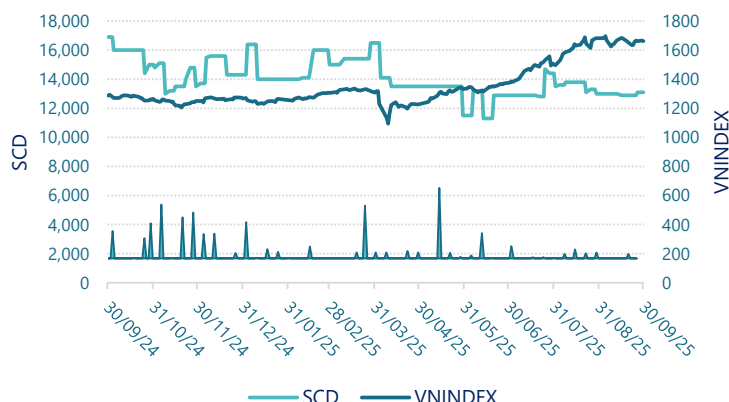


CTCP Nước giải khát Chương Dương (UPCOM: SCD)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	13,100
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	16,900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	11,300
SL cổ phiếu LH	8,477,640
KLGD BQ 20 phiên (CP)	810
% sở hữu nước ngoài	6.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	111
P/E	-1.2
EPS	-11,131

DT thuần

Q3/25

34.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 6.40 | 23.0%

YoY: ▼ 2.10 | -5.9%

LN sau thuế

Q3/25

-26.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 1.10 | -4.4%

YoY: ▼ 14.1 | -114%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

-46.7%

+/- YoY: ▼ 38.6%

DT thuần

9T 2025

111

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 24.0 | -18.0%

LN sau thuế

9T 2025

-73.4

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 28.8 | -64.5%

ROE

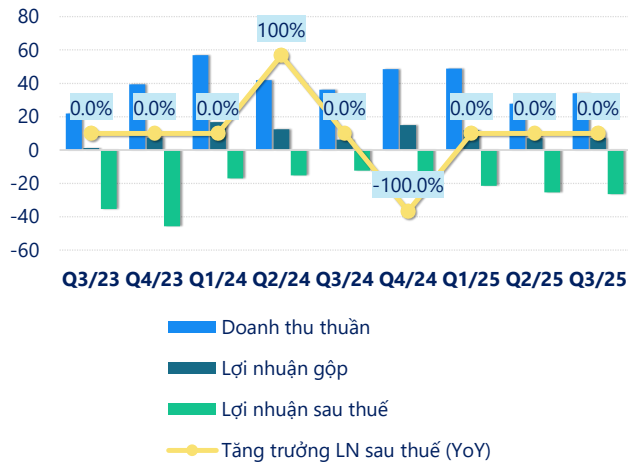
Q3/25

91.1%

+/- YoY: ▼ 719%

tỷ VNĐ

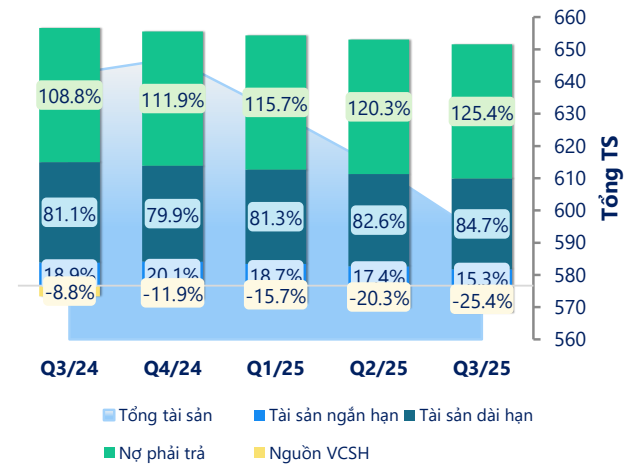
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

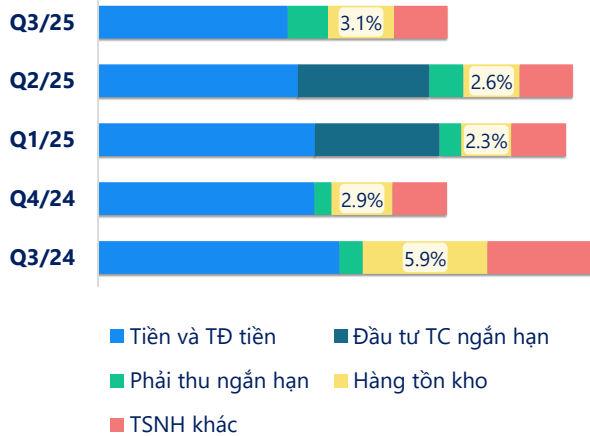
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



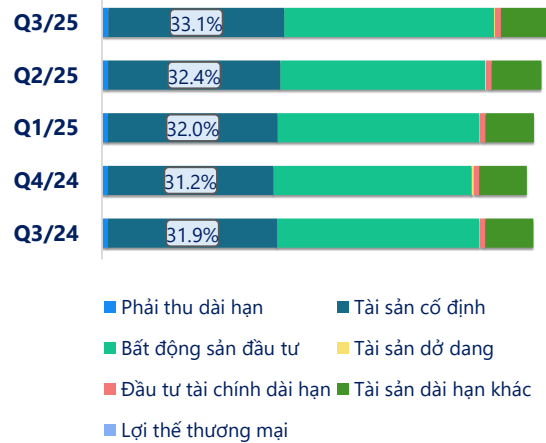
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

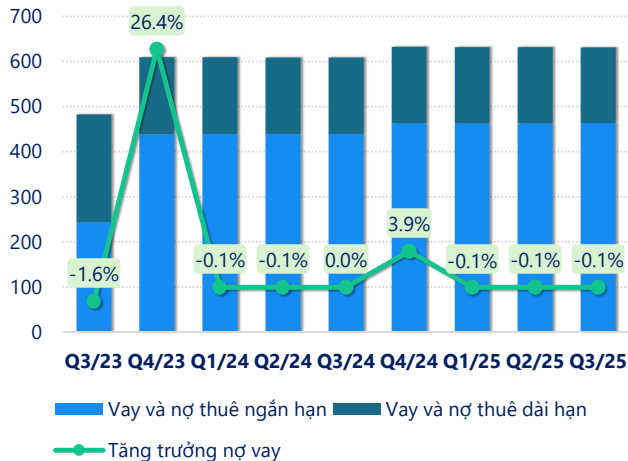
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

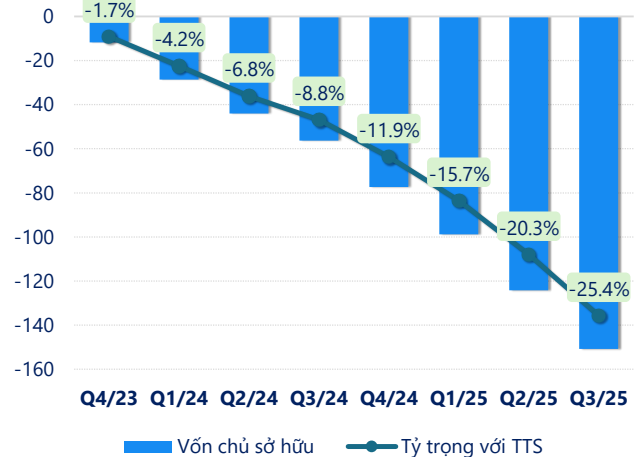
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

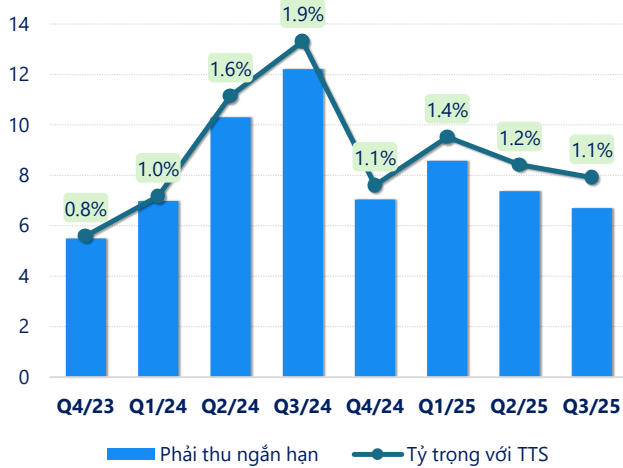
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



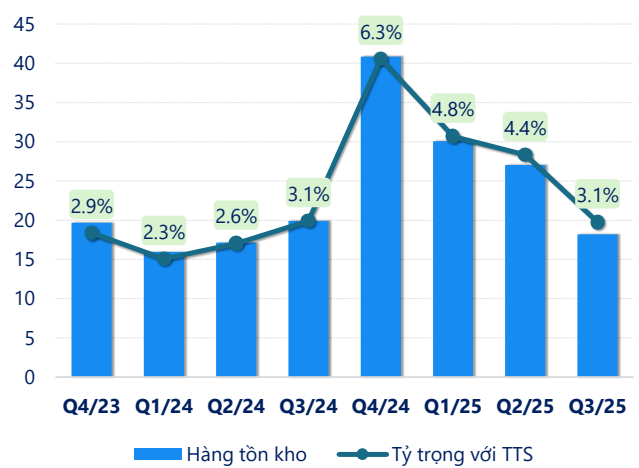
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


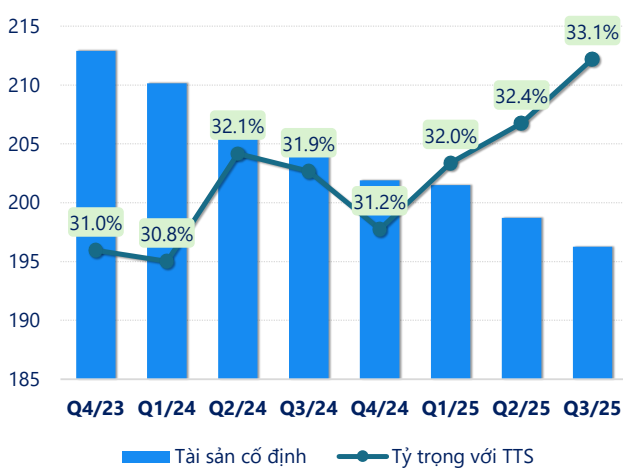
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


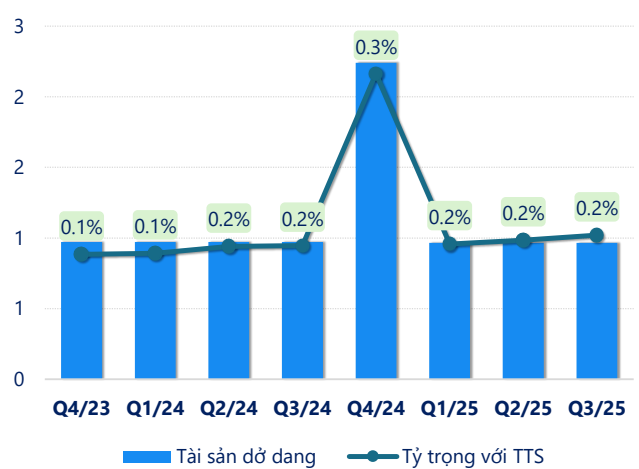
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

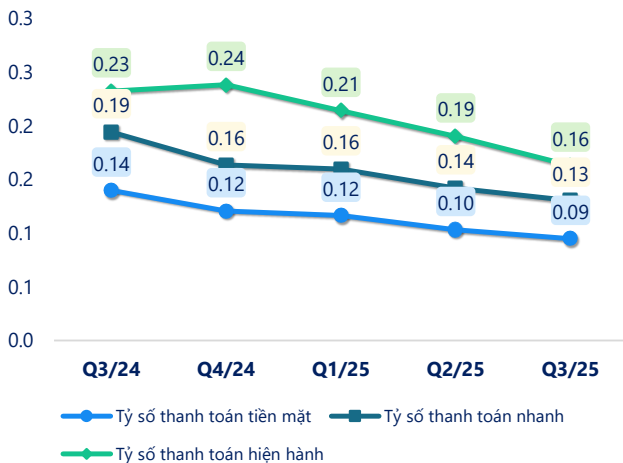
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

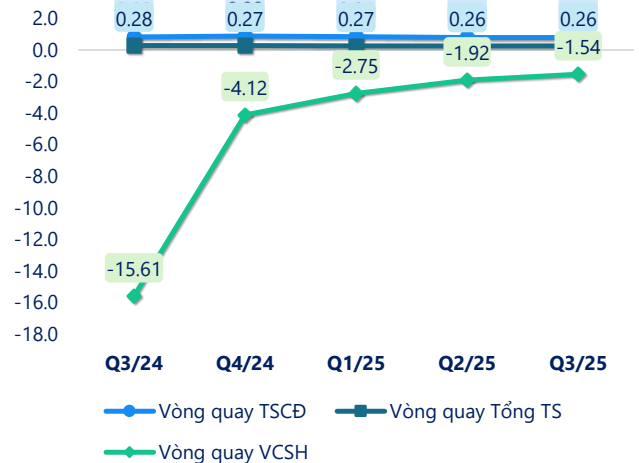
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	642	647	631	613	592
Tài sản ngắn hạn	121	130	118	106	90.8
Tiền và tương đương tiền	72.9	65.9	64.3	57.7	52.8
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	12.2	7.04	8.57	7.38	6.70
Hàng tồn kho	19.9	40.9	30.1	27.0	18.2
Tài sản ngắn hạn khác	16.2	16.4	15.3	14.4	13.1
Tài sản dài hạn	521	517	512	507	502
Phải thu dài hạn	7.01	7.00	7.00	7.00	7.00
Tài sản cố định	205	202	202	199	196
Bất động sản đầu tư	244	241	239	236	234
Tài sản dở dang	0.97	2.24	0.97	0.97	0.97
Đầu tư tài chính dài hạn	6.50	6.50	6.50	6.50	6.50
Tài sản dài hạn khác	58.1	58.0	57.7	57.6	57.3
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	699	724	729	738	743
Nợ ngắn hạn	522	547	552	559	557
Vay và nợ thuê ngắn hạn	439	463	463	463	463
Phải trả người bán ngắn hạn	27.0	41.9	32.7	21.0	26.3
Nợ dài hạn	177	178	177	178	186
Vay và nợ thuê dài hạn	170	169	169	169	168
Nguồn vốn chủ sở hữu	-56.4	-77.3	-98.8	-124	-151
Vốn chủ sở hữu	-56.4	-77.3	-98.8	-124	-151
Vốn điều lệ	85.0	85.0	85.0	85.0	85.0
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)